

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**

Ngành đào tạo:	<b>Ngôn ngữ Trung Quốc</b>
Trình độ đào tạo:	<b>Đại học</b>
Loại hình đào tạo:	<b>Chính quy</b>
Thời gian đào tạo:	<b>4 năm</b>
Văn bằng:	<b>Cử nhân</b>
Khóa đào tạo:	<b>Khóa 21 (2025 - 2029)</b>
Tổng số tín chỉ tích lũy toàn khoá:	<b>126</b>

*Các học phần (\*) không tính trung bình chung tích lũy vào kết quả học tập.*

**HỌC KỲ 1: 16 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 0) + 2 tín chỉ ngoài khung**

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>15</b>			
CB70107	Hiểu biết về DNTU*	1	15	15	0
TN70020	Nhập môn AI*	1	15	15	0
CB70303	Kỹ năng nói trước công chúng	1	15	15	0
TQ70001	Nhập môn ngành Ngôn ngữ Trung Quốc	1	15	15	0
DP70003	Dẫn luận ngôn ngữ học	2	30	30	0
DP70004	Tiếng Việt thực hành	2	30	30	0
TQ70033	Ngữ âm thực hành	2	30	30	0
TQ70002	Tiếng Trung tổng hợp 1	2	30	30	0
TQ70008	Đọc - Viết tiếng Trung 1	3	45	45	0
TQ70014	Nghe - Nói tiếng Trung 1	3	45	45	0

**HỌC KỲ 2: 20 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 18, tự chọn: 2) + 15 tín chỉ ngoài khung**

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>18</b>			

CB70101	Triết học Mác - Lênin	3	45	45	0
CB70208	Logic	2	30	30	0
CB70304	Kỹ năng quản lý cảm xúc	1	15	15	0
TH70001	Tin học 1	2	30	15	30
DP70002	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	30	30	0
TQ70003	Tiếng Trung tổng hợp 2	2	30	30	0
TQ70009	Đọc - Viết tiếng Trung 2	3	45	45	0
TQ70015	Nghe - Nói tiếng Trung 2	3	45	45	0
TA71305	Intensive English 1*	4	60	60	0
CB70411	Bơi lội*	1	30	0	30
CB70401	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1(**)	3	45	45	0
CB70402	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2 (**)	2	30	30	0
CB70403	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3 (**)	1	30	0	30
CB70404	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 4 (**)	2	60	0	60
<b>Học phần tự chọn</b>		<b>2</b>			
	Chọn 2 trong 8 học phần				
CB71412	Bóng đá*	1	30	0	30
CB71403	Bóng chuyền*	1	30	0	30
CB71404	Cầu lông*	1	30	0	30
CB71410	Pickleball*	1	30	0	30
CB71413	Fitness *	1	30	0	30
CB71406	Dancesport *	1	30	0	30
CB71407	Bóng rổ *	1	30	0	30
CB71414	Võ thuật *	1	30	0	30
	Chọn 1/2 học phần				
TQ71002	Địa lý dân cư Trung Quốc	2	30	30	0
TQ71003	Dân tộc và văn hóa Trung Quốc	2	30	30	0
<b>HỌC KỲ 3: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 17, tự chọn: 4) + 4 tín chỉ ngoài khung</b>					

Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>17</b>			
CB70102	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30	30	0
CB70106	Pháp luật đại cương	2	30	30	0
CB70305	Kỹ năng giao tiếp và xây dựng quan hệ	2	30	30	0
TH70002	Tin học 2	2	60	0	60
TQ70028	Tiếng Trung tổng hợp 3	3	45	45	0
TQ70010	Đọc - Viết tiếng Trung 3	3	45	45	0
TQ70016	Nghe - Nói tiếng Trung 3	3	45	45	0
TA71306	Intensive English 2*	4	60	60	0
<b>Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)</b>		<b>4</b>			
CB71101	Môi trường và PTBV	2	30	30	0
CB71102	Tâm lý học hành vi	2	30	30	0
DP70005	Lịch sử tư tưởng phương Đông	2	30	30	0
TQ71001	Chính sách đối ngoại Trung Quốc	2	30	30	0
<b>HỌC KỲ 4: 21 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 16, tự chọn: 5)</b>					
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Tổng số tiết	Tiết lý thuyết	Tiết thực hành
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>16</b>			
CB70103	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30	30	0
CB70206	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	30	30	0
CB70306	Kỹ năng đàm phán, thương lượng	2	30	30	0
TQ70011	Đọc - Viết tiếng Trung 4	3	45	45	0
TQ70017	Nghe - Nói tiếng Trung 4	3	45	45	0
TA70307	Intensive English 3	4	60	60	0
<b>Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 5 học phần)</b>		<b>5</b>			
CB71104	Kinh tế xanh và PTBV	2	30	30	0
CB71105	Văn hóa và Âm nhạc dân tộc VN	2	30	30	0

CB71106	Lịch sử văn minh thế giới	2	30	30	0
TQ71019	Tiếng Trung du lịch – nhà hàng – khách sạn	3	45	45	0
TQ71020	Tiếng Trung thương mại – văn phòng	3	45	45	0
<b>HỌC KỲ 5: 22 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 19, tự chọn: 3)</b>					
<b>Mã học phần</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Tổng số tiết</b>	<b>Tiết lý thuyết</b>	<b>Tiết thực hành</b>
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>19</b>			
CB70104	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30	30	0
CB70105	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30	30	0
TQ70037	Ngữ pháp tiếng Hán hiện đại	2	30	30	0
TQ70029	Tiếng Trung tổng hợp 4	3	45	45	0
TQ70012	Đọc - Viết tiếng Trung 5	3	45	45	0
TQ70018	Nghe - Nói tiếng Trung 5	3	45	45	0
TA70308	Intensive English 4	4	60	60	0
<b>Học phần tự chọn (Chọn 1 trong 3 học phần)</b>		<b>3</b>			
LH71017	Nghiệp vụ hướng dẫn	3	90	0	90
QT71048	Quản trị Marketing	3	45	45	0
<b>HỌC KỲ 6: 16 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 10, tự chọn: 6)</b>					
<b>Mã học phần</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Tổng số tiết</b>	<b>Tiết lý thuyết</b>	<b>Tiết thực hành</b>
<b>Học phần bắt buộc</b>		<b>10</b>			
CB70308	Kỹ năng tư duy phản biện	2	30	30	0
TQ70034	Văn học Trung Quốc	2	30	30	0
TQ70035	Biên dịch	3	45	45	0
TQ70036	Phiên dịch	3	45	45	0
<b>Học phần tự chọn (Chọn 2 trong 4 học phần)</b>		<b>6</b>			
LH71016	Tổ chức sự kiện	3	60	30	30
LH71018	Quản trị kinh doanh lẻ hành	3	45	45	0
QT71047	Quản trị chuỗi cung ứng	3	45	45	0

QT71012	Nghịệp vụ ngoại thương	3	45	45	0
<b>HỌC KỲ 7: 4 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 4, tự chọn: 0)</b>					
<b>Mã học phần</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Tổng số tiết</b>	<b>Tiết lý thuyết</b>	<b>Tiết thực hành</b>
<b>Thực tập nghề nghiệp, thực tập tốt nghiệp</b>		<b>4</b>			
TQ70024	Thực tập tốt nghiệp	4	120	0	120
<b>HỌC KỲ 8: 6 tín chỉ tích lũy (bắt buộc: 0, tự chọn: 6)</b>					
<b>Mã học phần</b>	<b>Tên học phần</b>	<b>Số tín chỉ</b>	<b>Tổng số tiết</b>	<b>Tiết lý thuyết</b>	<b>Tiết thực hành</b>
<b>Khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>6</b>			
TQ71013	Khóa luận tốt nghiệp	6	90	90	0
<b>Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>		<b>6</b>			
TQ71015	Giao thoa văn hóa Trung Quốc	3	45	45	0
TQ71021	Chuyên đề tốt nghiệp	3	45	45	0